CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Ngày 30/06/2025	13,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.8%	**-2.1%**	**16.0%**

DT thuần
Q2/25
85.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.0| -19.8%
YoY: ▼78.0| -47.9%

LN thuần
Q2/25
129
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 103| 404%
YoY: ▲ 31.5| 32.4%

LN sau thuế
Q2/25
124
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 104| 506%
YoY: ▲ 36.1| 40.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
253%
YoY: +/-▲ 147%

ROE (TTM)
Q2/25
8.6%
YoY: +/-▲ 0.8%

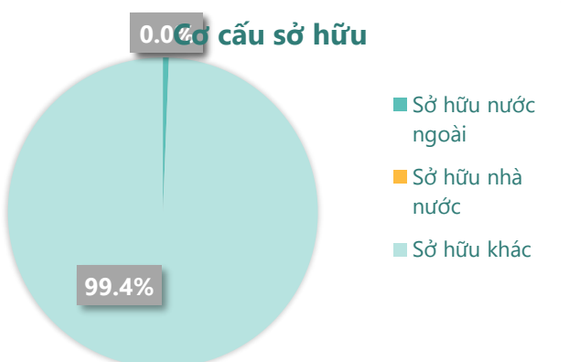
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,100 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,951
Số lượng CPLH (CP)	213,835,775
KLGD BQ 20 phiên (CP)	257,725
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.44
EPS	1,760
P/E	7.8

DT thuần
6T 2025
191
tỷ VNĐ
YoY: ▼58.0| -23.4%

LN thuần
6T 2025
155
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.0| -25.8%

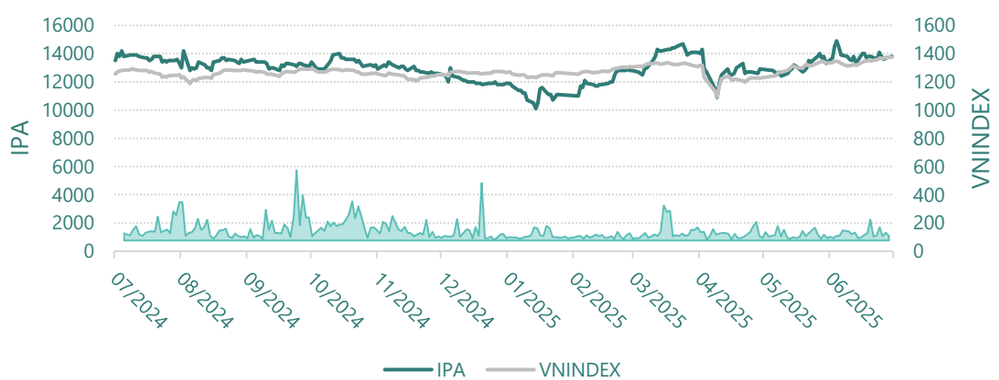
LN sau thuế
6T 2025
144
tỷ VNĐ
YoY: ▼49.0| -25.3%

Cơ cấu sở hữu

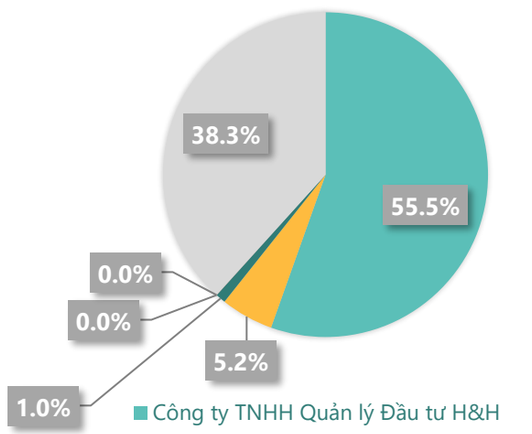


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



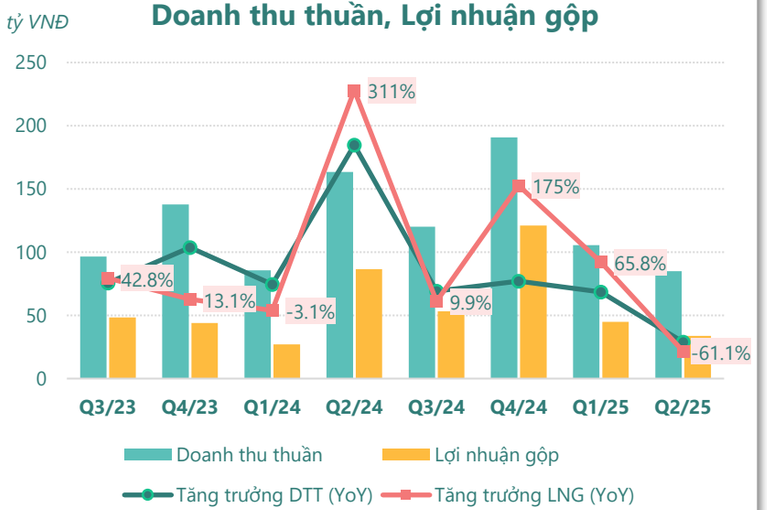
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

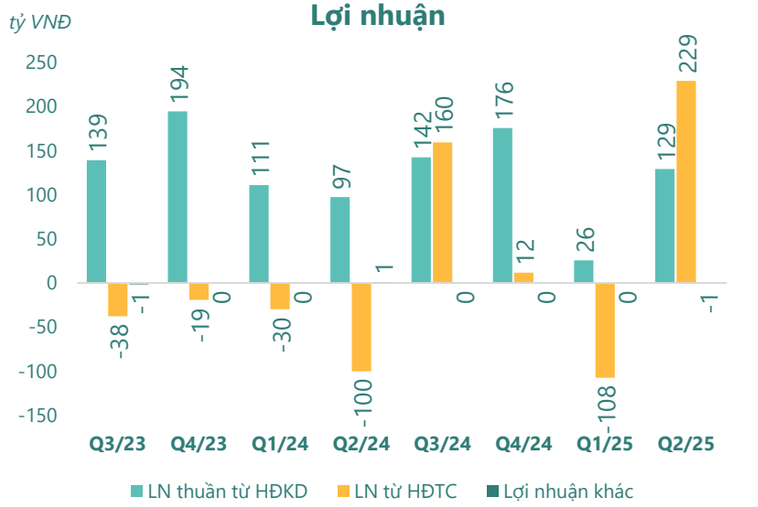
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



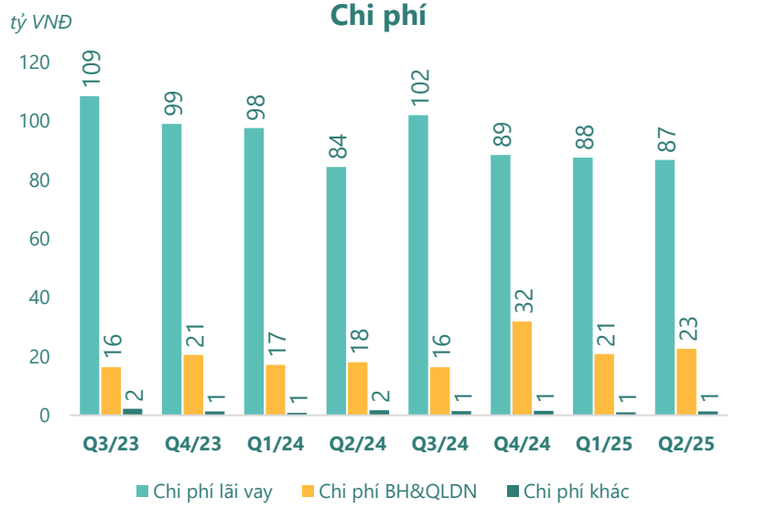
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



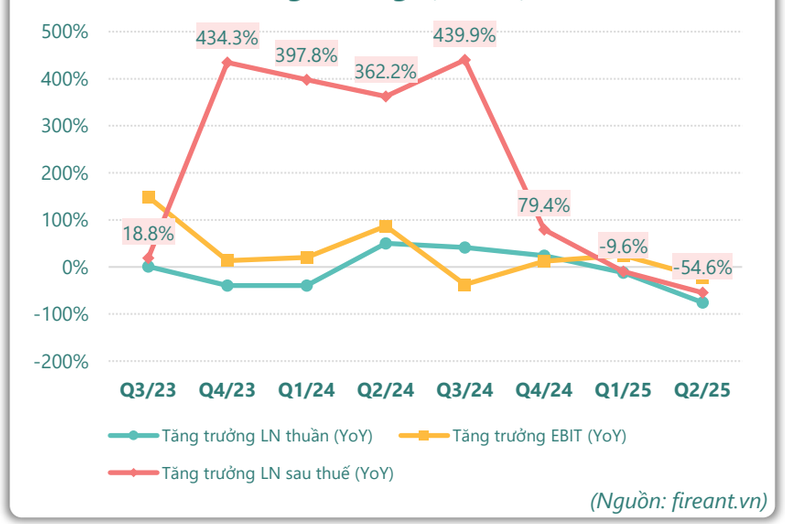
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



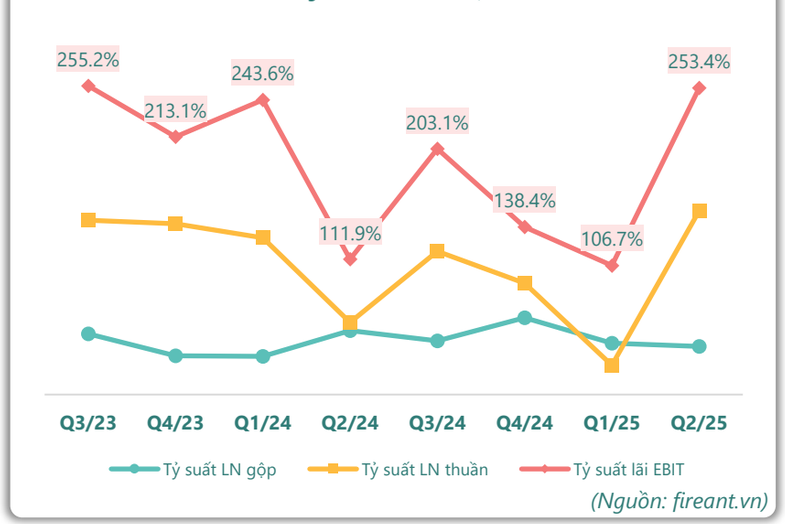
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



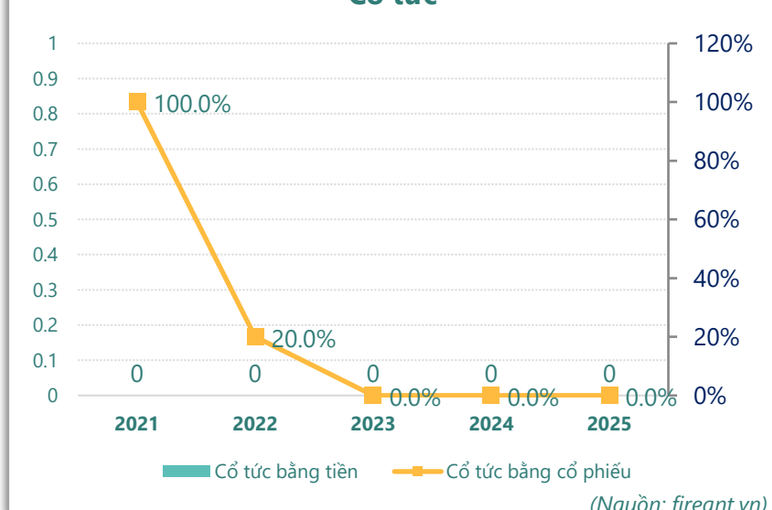
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

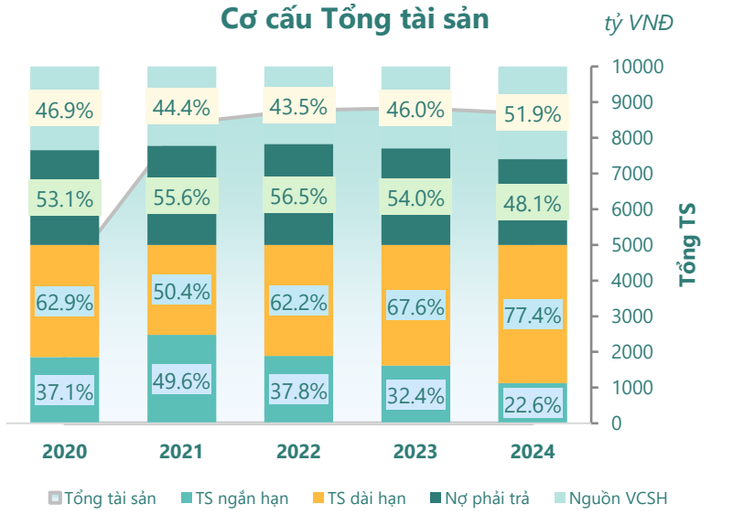
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

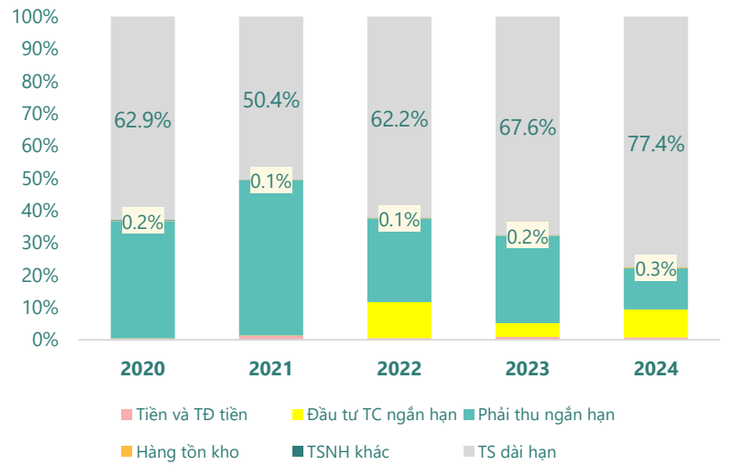
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



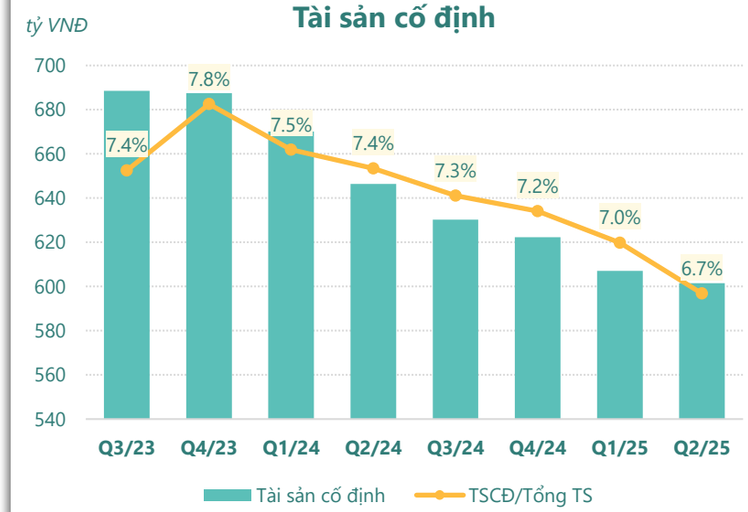
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



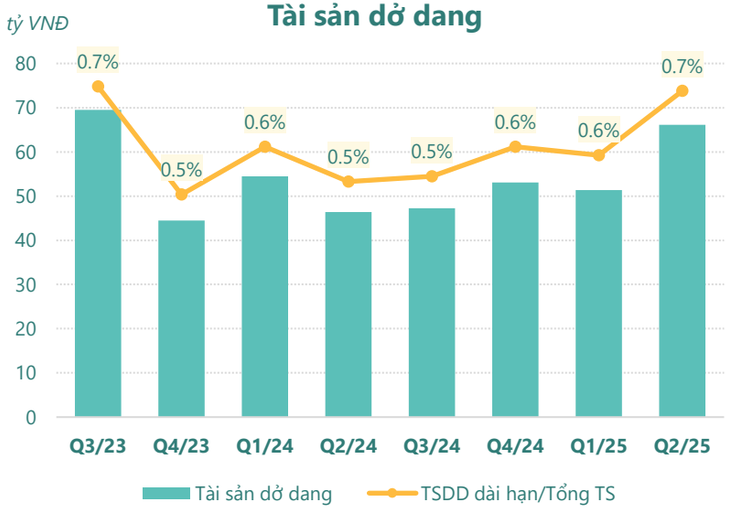
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



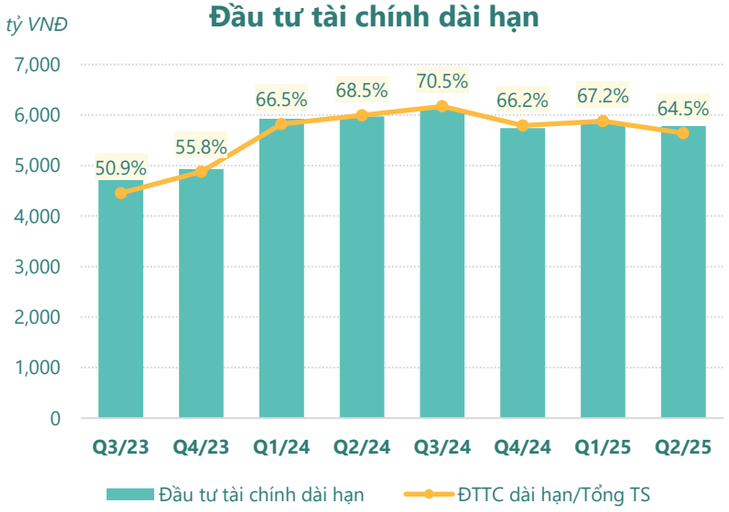
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



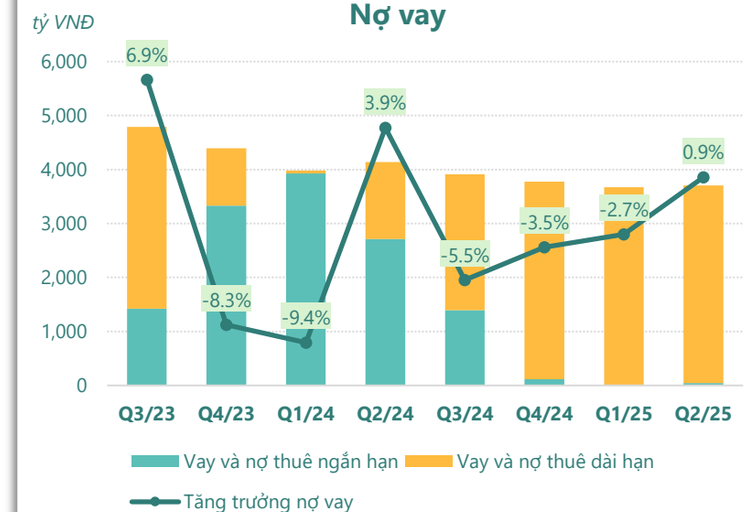
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

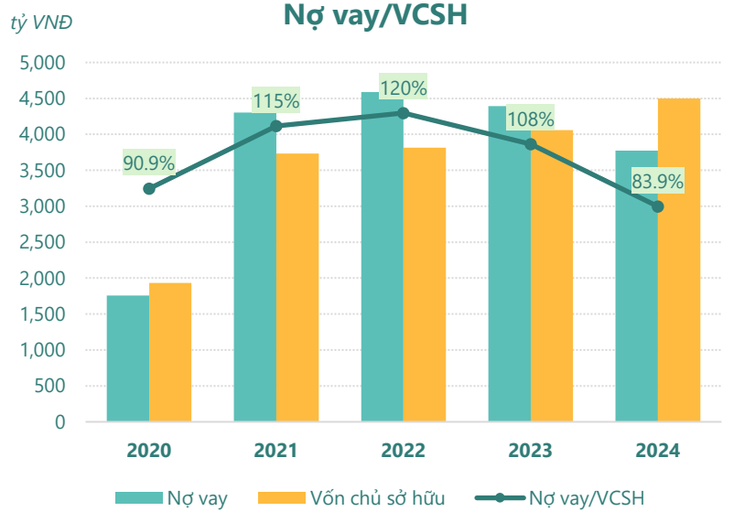
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

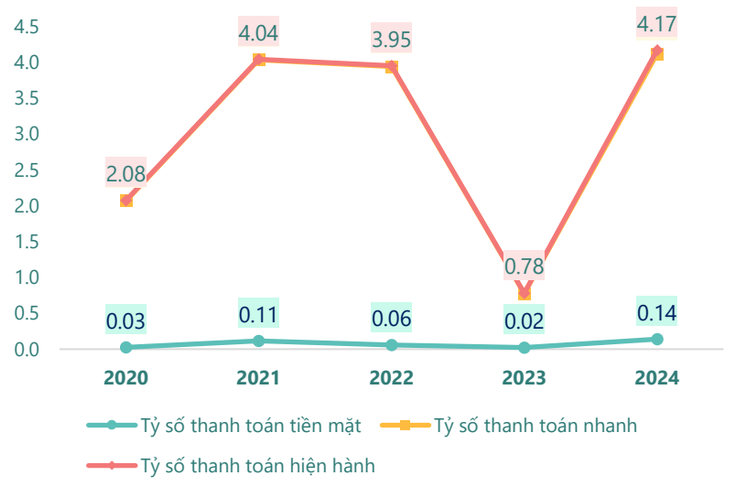
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



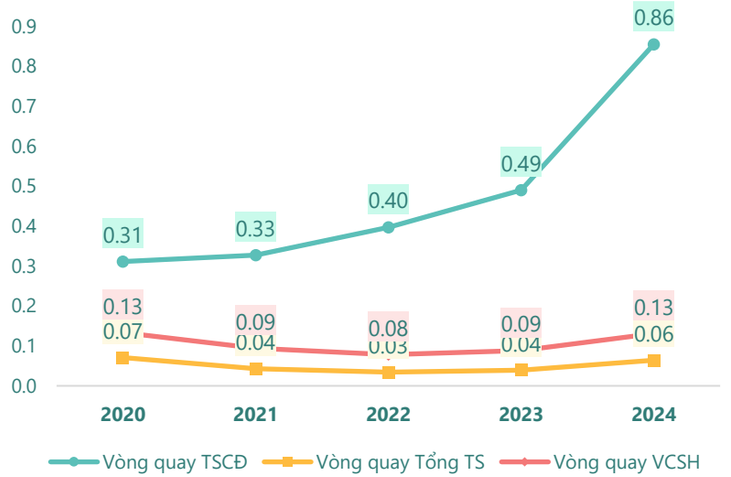
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



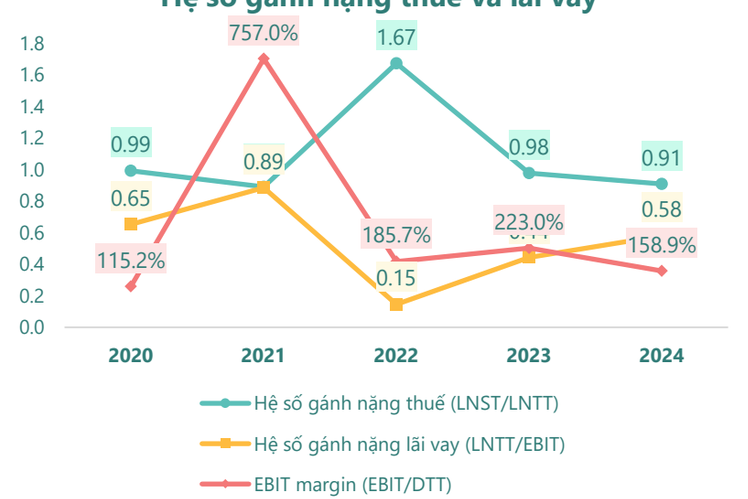
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



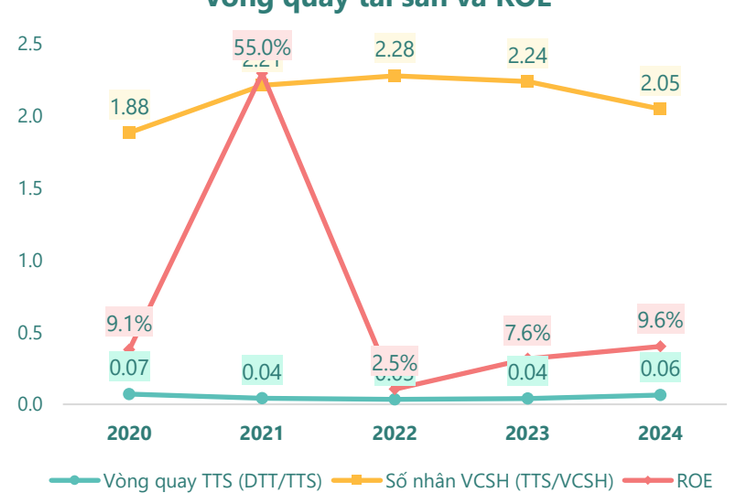
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



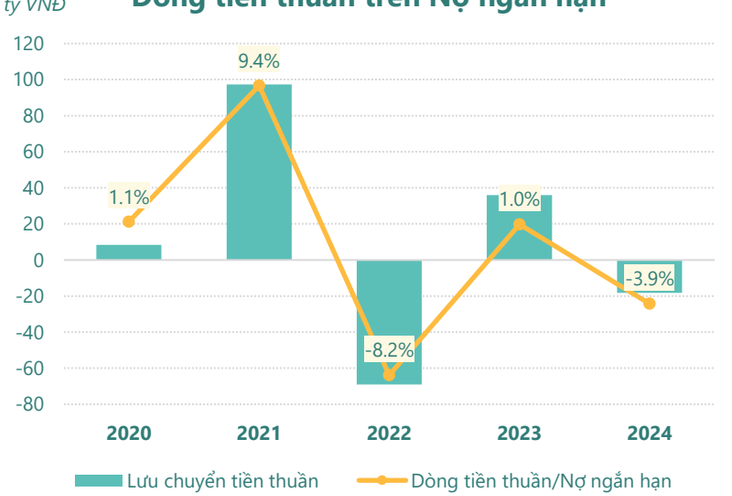
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**85.0**	**163**	**-47.9%**	**191**	**249**	**-23.4%**
Giá vốn hàng bán	51.3	76.9	-33.3%	112	135	-17.2%
Lợi nhuận gộp	33.7	86.6	-61.1%	78.5	114	-30.9%
Doanh thu HĐTC	233	34.7	572%	264	83.9	215%
Chi phí TC	4.00	135	-97.0%	143	214	-33.3%
Chi phí lãi vay	86.9	84.5	2.8%	175	182	-4.2%
LN trong công ty LKLD	**-111**	**129**	**-186%**	**-1.88**	**260**	**-101%**
Chi phí bán hàng	4.16	3.04	36.9%	8.96	6.74	32.8%
Chi phí QLDN	**18.4**	**15.0**	**22.9%**	**34.5**	**28.4**	**21.5%**
LN thuần từ HĐKD	129	97.5	32.4%	155	208	-25.8%
Lợi nhuận khác	**-0.70**	**0.95**	**-174%**	**-1.19**	**0.73**	**-265%**
LN trước thuế	128	98.4	30.5%	153	209	-26.6%
Lợi nhuận sau thuế	**124**	**87.9**	**40.6%**	**144**	**193**	**-25.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**107**	**65.9**	**62.5%**	**125**	**167**	**-25.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	148	-368	247	352	520	125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	239	201	-37.3	-180	-377	-164
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-397	154	-226	-150	-105	6.97
Tiền đầu kỳ	83.7	73.8	60.2	43.3	65.5	103
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.86**	**-13.6**	**-16.9**	**22.2**	**37.6**	**-32.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.8	60.2	43.3	65.5	103	70.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,964**	**8,671**	**3.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,215	1,956	13.2%
Tiền và tương đương tiền	70.4	65.5	7.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	322	748	-56.9%
Phải thu ngắn hạn	1,761	1,112	58.4%
Hàng tồn kho	52.7	24.7	114%
Tài sản ngắn hạn khác	8.32	5.45	52.8%
Tài sản dài hạn	**6,749**	**6,715**	**0.5%**
Phải thu dài hạn	15.3	19.3	-20.7%
Tài sản cố định	601	622	-3.3%
Bất động sản đầu tư	11.4	11.5	-1.0%
Tài sản dở dang	66.2	53.1	24.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	5,781	5,739	0.7%
Tài sản dài hạn khác	**228**	**220**	**3.5%**
Lợi thế thương mại	45.6	50.5	-9.6%
Nợ phải trả	4,425	4,173	6.1%
Nợ ngắn hạn	**325**	**469**	**-30.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.5	112	-60.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.61	5.29	24.9%
Nợ dài hạn	4,100	3,704	10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,660	3,662	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,538**	**4,499**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**4,538**	**4,499**	**0.9%**
Vốn điều lệ	2,138	2,138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)